

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phúc;

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 11, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Diêm Công Đ, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 11, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị với anh Diêm Công Đ sống chung với nhau năm 2005 và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, ngày 08-11-2005, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống đến khoảng năm 2016, 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên uống rượu, bia về nhà chửi và đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần, chị có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng anh Đ năn nỉ nên chị rút đơn, không nộp tiền tạm ứng án phí. Sau khi rút đơn, khoảng 10 ngày sau thì anh

Đ tiếp tục chửi và đuổi chị ra khỏi nhà, do đó chị đi thuê nhà trọ sống riêng từ tháng 5-2020 cho đến nay. Thời gian gần đây anh Đ có đến yêu cầu chị về nhà và đưa ra điều kiện không đúng đạo đức, không phù hợp với pháp luật, buộc chị phải thực hiện theo nên chị không đồng ý. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh Đ được nữa và yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Diêm Công P, sinh ngày 05-8-2006 và Diêm Công P1, sinh ngày 09-7-2012, hiện cháu P đang sống chung với anh Đ và mẹ anh Đ; cháu P1 đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Diêm Công Đ có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian sống chung, nơi đăng ký kết hôn, thời gian ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị L, mà muốn đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc các con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung họ tên, ngày tháng năm sinh như chị L trình bày, hiện cháu P đang sống chung với anh và mẹ anh, cháu P1 đang sống chung với chị L. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh không cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và nuôi con, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung. Về điều kiện nuôi con là trước khi nộp đơn ly hôn vợ chồng chị đã tự thỏa thuận chia tài sản chung, chị được anh Đ chia cho số tiền 100.000.000 đồng, ngoài ra chị còn có tài sản riêng là 01 ha đất trồng cây cao su, đang thu hoạch mủ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Đinh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị L và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ tháng 5-2020 cho đến nay không thể hàn gắn được nên chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ các Điều 56,

81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L đối với anh Diêm Công Đ.

- Về nuôi con chung: Chị L và anh Đ có 02 người con tên Diêm Công P, sinh ngày 05-8-2006 và Diêm Công P1, sinh ngày 09-7-2012, trong quá trình giải quyết vụ án chị L có yêu cầu nuôi 02 con chung, anh Đ đồng ý giao 02 con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên cần ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị L, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Diêm Công Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Diêm Công Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đồng ý ly hôn và cho rằng, tuy giữa vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân từ tháng 5-2020 đến nay nhưng muốn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con, nhưng chị L không đồng ý đoàn tụ. Việc anh Đ thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do anh đánh, đuổi chị Liễu ra khỏi nhà và chị L đã bỏ đi không sống chung với anh Đ từ cuối năm 2019 cho đến nay, anh Đ muốn đoàn tụ không đồng ý ly hôn, nhưng không đến tác động cho chị L về đoàn tụ, điều này thể hiện giữa anh, chị không quan tâm đến nhau, quan hệ hôn nhân giữa anh, chị không có khả năng hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh Đ có 02 người con tên Diêm Công P, sinh ngày 05-8-2006 và Diêm Công P1, sinh ngày 09-7-2012. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L có yêu cầu nuôi 02 con chung và tại biên bản lấy ý kiến của cháu P thì cháu có nguyện vọng muốn sống với anh Đ, tuy nhiên anh Đ không đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P mà có ý kiến giao 02 con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con chung nên cần giao các con chung tên Diêm Công P, sinh ngày 05-8-2006 và Diêm Công P1, sinh ngày 09-7-2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy Đ tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi các con chung.

[2.3] Về tài sản chung , nợ chung: Ghi nhận chị L, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy Đ tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Diêm Công Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Diêm Công P, sinh ngày 05-8-2006 và Diêm Công P1, sinh ngày 09-7-2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi các con chung cùng chị.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung , nợ chung: Ghi nhận chị L, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000813 ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục P1c thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Diêm Công Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục P1c thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hà;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc